| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Thụy.

*Thư ký phiên tòa*: ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 960/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị M, sinh năm 1991; thường trú: ấp S, xã C, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay: xã N, tỉnh Nghệ An, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1991; thường trú: ấp S, xã C, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay: số A, khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận số 34/2014, quyển số 01/2012 ngày 28/5/2014. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân nhiều năm. Nay bà M xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung tên Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/9/2013 và Huỳnh Thị Quỳnh T1, sinh ngày 22/6/2015. Hiện

02 con chung đang sinh sống cùng với bà M. Bà M yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Trần Thị M không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông T thống nhất với toàn bộ phần trình bày của bà M. Ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung tên Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/9/2013 và Huỳnh Thị Quỳnh T1, sinh ngày 22/6/2015. Ông T đồng ý sau ly hôn 02 con chung sẽ do bà M trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: ông Huỳnh Văn T không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:*

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Trần Thị M và bị đơn ông Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận số 34/2014, quyển số 01/2012 ngày 28/5/2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Bà Trần Thị M xác định sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân nhiều năm, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn. Còn ông Huỳnh Văn T cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của ông, bà không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng: quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/9/2013 và Huỳnh Thị Quỳnh T1, sinh ngày 22/6/2015. Bà M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý theo yêu cầu của bà M. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

[4] Về án phí sơ thẩm: bà Trần Thị M chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều: 9, 55, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về việc ly hôn, nuôi con với ông Huỳnh Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị M được ly hôn với ông Huỳnh Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2014, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 28/5/2014).

- Về con chung: ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm giao con chung là cháu Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 25/9/2013 và Huỳnh Thị Quỳnh T1, sinh ngày 22/6/2015 cho bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị M không yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Trần Thị M và ông Huỳnh Văn T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Trần Thị M phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0052139 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho bà Trần Thị M 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy**